

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 6 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 7 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 | 8 - 11 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 12 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 13 - 14 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 15 - 41 |
| 8. Phụ lục | 42 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty chất đốt TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 70/2000QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300631013, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 09 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 112.914.590.000 VND

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 21 tháng 9 năm 2004 theo Giấy phép số 31/GPPH của Ủy Ban Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2004 với mã chứng khoán là SFC.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (08) 39 979 292
- Fax : (08) 39 979 555
- E-mail : info@sfc.com.vn
- Mã số thuế : 0300631013

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: thu mua chế biến nông sản;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán thủy hải sản, hàng công nghệ thực phẩm, thực phẩm, rau quả tươi sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: thu mua nguyên vật liệu hàng mộc, nhập khẩu gỗ nguyên liệu, xuất khẩu hàng mộc tinh chế;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: kinh doanh các loại vật tư máy móc thiết bị, phụ tùng kinh doanh xăng dầu, bếp gas và các loại phụ tùng bếp gas, hàng kim khí điện máy, vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất chế biến hàng nông, thủy, hải sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: sản xuất chế biến hàng mộc (trừ chế biến gỗ);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: kinh doanh các loại, nước giải khát các loại, nước tinh khiết;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng, cho thuê căn phòng, căn hộ cao cấp, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: đại lý bảo hiểm;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: sản xuất, lắp ráp bếp gas các loại (trừ mua bán, sang chiết gas, gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi;

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu thương mại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ rửa xe, giữ xe;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng dân dụng – công nghiệp;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ bán buôn nhớt phế thải);
- Trồng lúa;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Trồng cây cao su;
- Trồng cây cà phê;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở);
- In ấn (không in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan, in tráng bao bì kim loại tại trụ sở);
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép bản ghi các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ gia kim hoàn và chi tiết liên quan (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan. Chi tiết: sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực trong cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Dịch vụ ăn uống khác (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động cấp tín dụng khác. Chi tiết: dịch vụ cầm đồ;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán – pháp luật);
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính – kế toán – pháp luật);
- Quảng cáo;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục nghề nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Cho thuê xe có động cơ
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
- Giáo dục mầm non;
- Hoạt động sáng tác nghệ thuật và giải trí (trừ kinh doanh phòng trà ca nhạc);
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|------------------------|---------------------|---|
| Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Lê Trọng Hiếu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Châu Văn Chơn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015 |
| | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Phan Ngọc Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Thiện Tâm | Ủy viên thường trực | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2015 |
| Ông Bùi Ngọc Thạch Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2015 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|------------|--|
| Ông Lê Tuấn Vũ | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015 |
| Ông Phạm Trần Hiền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015 |
| Bà Trần Hoàng Phương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|------------------------------------|--|
| Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015 |
| Ông Phan Ngọc Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015 |
| Ông Cao Văn Phát | Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015 Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015 |
| Ông Bùi Xuân Vũ | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015 |

Đại diện pháp luật

| Họ và tên | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|--|
| Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015 |
| Ông Phan Ngọc Hùng | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2015





Số: 0717/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 17 tháng 7 năm 2015, từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét vào ngày 12 tháng 8 năm 2014 với nhận xét không nhận thấy có sự kiện nào để cho thấy Báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1



Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 411.377.339.650 | 312.698.174.903 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 364.242.051.003 | 269.064.190.587 |
| 1. Tiền | 111 | | 7.242.051.003 | 19.064.190.587 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 357.000.000.000 | 250.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 15.160.811.595 | 10.437.889.113 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 8.616.539.978 | 9.356.274.999 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 5.091.450.300 | 744.437.484 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 2.099.521.317 | 1.427.915.630 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (646.700.000) | (1.090.739.000) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 31.559.684.569 | 31.979.441.483 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 31.559.684.569 | 31.979.441.483 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 414.792.483 | 1.216.653.720 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 414.792.483 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 1.211.653.720 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | 5.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 124.380.593.601 | 129.590.288.935 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 46.430.109.895 | 39.929.047.991 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 40.496.234.252 | 35.285.824.310 |
| - Nguyên giá | 222 | | 61.181.609.297 | 56.404.219.296 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (20.685.375.045) | (21.118.394.986) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 5.933.875.643 | 4.643.223.681 |
| - Nguyên giá | 228 | | 7.210.794.365 | 5.835.794.365 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.276.918.722) | (1.192.570.684) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.10 | 68.283.824.247 | 74.652.118.343 |
| - Nguyên giá | 231 | | 71.282.856.705 | 77.561.239.699 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (2.999.032.458) | (2.909.121.356) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.445.416.473 | 6.258.767.349 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 1.445.416.473 | 6.258.767.349 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 6.546.000.000 | 6.546.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.12 | 10.296.000.000 | 10.296.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.12 | (3.750.000.000) | (3.750.000.000) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.675.242.986 | 2.204.355.252 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7a | 1.516.878.018 | 1.749.491.016 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | 158.364.968 | 454.864.236 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 535.757.933.251 | 442.288.463.838 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 334.055.169.990 | 258.017.821.213 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 328.330.103.890 | 251.509.178.738 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 24.563.370.280 | 52.319.098.825 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 30.203.321.527 | 30.726.540.417 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 30.705.434.120 | 9.079.528.499 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 5.913.016.203 | 8.521.251.920 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 421.455.163 | 376.912.330 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.19 | 45.000.000 | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.20a | 7.357.844.178 | 1.668.268.309 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.21 | 229.272.088.800 | 147.244.240.000 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.23 | (151.426.381) | 1.573.338.438 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 5.725.066.100 | 6.508.642.475 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.20b | 5.725.066.100 | 5.433.698.100 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.22 | - | 1.074.944.375 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 201.702.763.261 | 184.270.642.625 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 201.702.763.261 | 184.270.642.625 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.24a | 112.914.590.000 | 112.914.590.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 112.914.590.000 | 112.914.590.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.24a | 9.220.495.600 | 9.220.495.600 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.24a | (1.414.603.444) | (1.414.603.444) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.24a | 40.929.968.744 | 40.291.027.010 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.24a | 40.052.312.361 | 23.259.133.459 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 14.731.653.129 | 23.259.133.459 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 25.320.659.232 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 535.757.933.251 | 442.288.463.838 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015


Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu


Võ Thị Thu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 738.206.729.536 | 1.297.643.581.601 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | - | 312.772.727 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 738.206.729.536 | 1.297.330.808.874 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 677.341.486.970 | 1.247.429.662.181 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 60.865.242.566 | 49.901.146.693 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 6.301.991.608 | 6.554.539.268 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 3.102.834.665 | 4.699.177.524 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 3.102.834.665 | 4.699.177.524 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 23.196.378.930 | 22.099.790.339 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 7.791.358.831 | 7.811.079.943 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 33.076.661.748 | 21.845.638.155 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 288.470.389 | 468.118.034 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 59.195.161 | 11.624 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 229.275.228 | 468.106.410 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 33.305.936.976 | 22.313.744.565 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 7.418.778.476 | 4.906.059.594 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.13 | 296.499.268 | 47.084.584 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>25.590.659.232</u> | <u>17.360.600.387</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8a | <u>2.278</u> | <u>1.545</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8a | <u>2.278</u> | <u>1.545</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015


Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu

Võ Thị Thu
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|---------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 33.305.936.976 | 22.313.744.565 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8, V.9, V.10 | 2.532.291.565 | 2.120.935.583 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.5 | (444.039.000) | 27.355.600 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (7.482.193.665) | (6.624.539.268) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 3.102.834.665 | 4.699.177.524 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 31.014.830.541 | 22.536.674.004 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 471.639.126 | 7.435.356.299 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 419.756.914 | 31.930.095.041 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (11.180.123.016) | (4.392.275.692) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (182.179.485) | (520.068.052) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (2.913.648.569) | (4.780.258.028) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (6.580.986.260) | (4.175.926.309) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.23 | (3.995.893.915) | (1.919.139.573) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 7.053.395.336 | 46.114.457.690 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.8, V.9, V.11, VII | (7.045.192.803) | (2.499.777.908) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | VI.1, VI.7 | 7.153.636.363 | 70.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.2, VI.4 | 5.988.172.720 | 6.521.634.267 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 6.096.616.280 | 4.091.856.359 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | VI.21 | 714.099.890.000 | 1.232.818.015.400 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | VI.21 | (632.072.041.200) | (1.257.582.095.400) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (6.740.891.400) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 82.027.848.800 | (31.504.971.400) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 95.177.860.416 | 18.701.342.649 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 269.064.190.587 | 208.742.412.360 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 364.242.051.003 | 227.443.755.009 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015



Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu



Võ Thị Thu
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước do đơn giá bán trên 1 lít xăng dầu sụt giảm so với cùng kỳ và doanh thu 6 tháng đầu năm đã loại trừ thuế Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên lợi nhuận lại gia tăng do tỷ lệ lãi gộp tăng.

6. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--------------------------------|--|
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 20 | Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 10 | 784 Hậu Giang, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh |
| Kho xăng dầu 30/4 | 26 Chuyên Dừng, phường Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 21 | Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh |
| Cửa hàng kinh doanh Gas | 103 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh |
| Địa điểm 105 Lê Lợi | 105 Lê Lợi, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 17 | 401 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 5 | 234 Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 13 | 118 Cách Mạng Tháng Tám, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 11 | 132 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh |
| Cửa hàng kinh doanh Gas | 406 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 19 | 247 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 6 | 9 Bis Trần Nãi, phường Bình An, quận 2, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 12 | 912 Võ Văn Kiệt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|--|---|
| Cửa hàng kinh doanh Gas | M5 Lê Hoàng Phái, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 8 | 135 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 4 | 167 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh |
| Cửa hàng kinh doanh Gas | 138B Trần Phú, phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh |
| Cửa hàng kinh doanh Gas | 456 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, TP. Hồ Chí Minh |
| Điểm kinh doanh dịch vụ | 67 Phú Thọ, phường 1, quận 11, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 16 | 260A Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, TP. Hồ Chí Minh |
| Cửa hàng kinh doanh Gas (LPG) | 263 Ngô Quyền, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 3 | 16A Quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 18 | A21 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh |
| Cửa hàng kinh doanh Gas (LPG) | 263 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Nhà hàng Mười Tám | 18 Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 9 | 52 Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Văn phòng Cty CP Nhiên liệu Sài Gòn | 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh |
| Trạm kinh doanh xăng dầu số 24 | 64 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng bán nhớt và rửa xe | 118 Hậu Giang, phường 6, quận 6, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn – Cửa hàng bán nhớt và rửa xe | 1438 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8, TP. Hồ Chí Minh |

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 262 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 264 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để mở rộng trạm kinh doanh xăng dầu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian 10 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Phí kiểm định

Chi phí kiểm định phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 50 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 13 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 – 10 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Quyền sử dụng đất | 48 - 50 |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 14 - 30 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng kể từ ngày Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh đến hết thời hạn của quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm quản lý ERP được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu bán hàng hóa không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp (thuế bảo vệ môi trường).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 4.659.112.948 | 4.991.517.407 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.582.938.055 | 14.072.673.180 |
| Các khoản tương đương tiền ^(*) | 357.000.000.000 | 250.000.000.000 |
| Cộng | <u>364.242.051.003</u> | <u>269.064.190.587</u> |

^(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 8.616.539.978 | 9.356.274.999 |
| Phải thu khách hàng kinh doanh xăng dầu | 7.601.665.632 | 9.356.274.999 |
| Phải thu khách hàng kinh doanh dịch vụ và kho bãi | 368.174.346 | 7.000.000 |
| Cộng | 8.616.539.978 | 9.356.274.999 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|--------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước cho người bán</i> | 5.091.450.300 | 744.437.484 |
| Công ty cổ phần cơ khí xăng dầu | 3.220.050.000 | - |
| Công ty cổ phần địa ốc Đông Á | 761.043.300 | - |
| Doanh nghiệp tư nhân thương mại Vạn Phước | 506.000.000 | 110.000.000 |
| Công ty TNHH kỹ thuật Nam Dương | - | 299.250.000 |
| Công ty TNHH tin học Nhật Quang | - | 233.329.684 |
| Các nhà cung cấp khác | 604.357.000 | 101.857.800 |
| Cộng | 5.091.450.300 | 744.437.484 |

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 2.099.521.317 | - | 1.427.915.630 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 1.631.572.222 | - | 1.317.753.334 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 5.000.000 | - | - | - |
| Tạm ứng | 243.532.000 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 219.417.095 | - | 110.162.296 | - |
| Cộng | 2.099.521.317 | - | 1.427.915.630 | - |

5. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|------------------------|----------------------|-------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các bên liên quan</i> | | - | - | | - | - |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | 646.700.000 | - | 1.142.739.000 | 52.000.000 | |
| Công ty cổ phần đầu tư Nhật Nam Á | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | <i>Trên 03 năm</i> | 331.400.000 | - | <i>Trên 03 năm</i> | 331.400.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|-------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH Vĩnh Xương | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | <i>Trên 03 năm</i> | <i>295.300.000</i> | <i>-</i> | <i>Trên 03 năm</i> | <i>295.300.000</i> | <i>-</i> |
| Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tây Phương | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | <i>Từ 02 đến 03 năm</i> | <i>20.000.000</i> | <i>-</i> | <i>Từ 02 đến 03 năm</i> | <i>20.000.000</i> | <i>10.000.000</i> |
| Doanh nghiệp tư nhân Trường Giang | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>Trên 03 năm</i> | <i>436.039.000</i> | <i>-</i> |
| Công ty TNHH xây dựng thương mại Phan Huỳnh Ngọc | | | | | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>Trên 03 năm</i> | <i>60.000.000</i> | <i>42.000.000</i> |
| Cộng | | <u>646.700.000</u> | <u>-</u> | | <u>1.142.739.000</u> | <u>52.000.000</u> |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | |
|--------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | (1.090.739.000) |
| Hoàn nhập dự phòng | <u>444.039.000</u> |
| Số cuối kỳ | <u>(646.700.000)</u> |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 3.980.036.000 | - | 5.745.603.000 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 81.401.814 | - | 50.840.468 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 24.871.819 | - | 37.996.364 | - |
| Hàng hóa | 27.473.374.936 | - | 24.556.121.651 | - |
| Hàng gửi đi bán | - | - | 1.588.880.000 | - |
| Cộng | <u>31.559.684.569</u> | <u>-</u> | <u>31.979.441.483</u> | <u>-</u> |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------|---------------------------|-----------------|
| Công cụ, dụng cụ | <u>147.967.280</u> | - |
| Chi phí sửa chữa | <u>266.825.203</u> | - |
| Cộng | <u>414.792.483</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng | 1.375.000.018 | 1.500.000.016 |
| Công cụ, dụng cụ | 108.471.000 | 197.862.000 |
| Phí kiểm định | 33.407.000 | 51.629.000 |
| Cộng | <u>1.516.878.018</u> | <u>1.749.491.016</u> |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 31.121.508.558 | 20.576.071.710 | 1.758.225.394 | 2.948.413.634 | 56.404.219.296 |
| Tăng từ đầu tư xây dựng cơ bản | 5.725.091.709 | - | - | - | 5.725.091.709 |
| Mua sắm mới trong kỳ | - | 1.114.166.182 | - | 424.235.788 | 1.538.401.970 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.314.796.752) | (1.105.225.054) | - | (66.081.872) | (2.486.103.678) |
| Số cuối kỳ | <u>35.531.803.515</u> | <u>20.585.012.838</u> | <u>1.758.225.394</u> | <u>3.306.567.550</u> | <u>61.181.609.297</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 2.743.567.773 | 5.129.280.654 | - | 402.430.757 | 8.275.279.184 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 11.158.118.840 | 8.630.704.754 | 592.884.598 | 736.686.794 | 21.118.394.986 |
| Khấu hao trong kỳ | 830.353.316 | 800.824.402 | 109.889.088 | 169.853.465 | 1.910.920.271 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.198.334.050) | (1.079.524.290) | - | (66.081.872) | (2.343.940.212) |
| Số cuối kỳ | <u>10.790.138.106</u> | <u>8.352.004.866</u> | <u>702.773.686</u> | <u>840.458.387</u> | <u>20.685.375.045</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 19.963.389.718 | 11.945.366.956 | 1.165.340.796 | 2.211.726.840 | 35.285.824.310 |
| Số cuối kỳ | <u>24.741.665.409</u> | <u>12.233.007.972</u> | <u>1.055.451.708</u> | <u>2.466.109.163</u> | <u>40.496.234.252</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Tại ngày 12 tháng 6 năm 2015, Công ty có ký hợp đồng cam kết mua 03 chiếc xe bồn với Công ty cổ phần cơ khí xăng dầu với trị giá là 6.954.545.454 VND, đã trả trước cho người bán 3.060.000.000 VND.

9. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm</u> | <u>Cộng</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 5.835.794.365 | - | 5.835.794.365 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 1.375.000.000 | 1.375.000.000 |
| Số cuối kỳ | <u>5.835.794.365</u> | <u>1.375.000.000</u> | <u>7.210.794.365</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm | Cộng |
|---------------------------------------|--------------------------|------------------------------|----------------------|
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 1.192.570.684 | - | 1.192.570.684 |
| Khấu hao trong kỳ | 79.382.760 | 4.965.278 | 84.348.038 |
| Số cuối kỳ | 1.271.953.444 | 4.965.278 | 1.276.918.722 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 4.643.223.681 | - | 4.643.223.681 |
| Số cuối kỳ | 4.563.840.921 | 1.370.034.722 | 5.933.875.643 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

10. Bất động sản đầu tư**10a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

| | Quyền sử dụng đất | Nhà | Cộng |
|------------------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 20.556.072.785 | 27.279.109.571 | 47.835.182.356 |
| Thanh lý, nhượng bán | (6.243.029.494) | (35.353.500) | (6.278.382.994) |
| Số cuối kỳ | 14.313.043.291 | 27.243.756.071 | 41.556.799.362 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 1.980.415.125 | 928.706.231 | 2.909.121.356 |
| Khấu hao trong kỳ | 208.146.852 | 328.876.404 | 537.023.256 |
| Thanh lý, nhượng bán | (411.758.654) | (35.353.500) | (447.112.154) |
| Số cuối kỳ | 1.776.803.323 | 1.222.229.135 | 2.999.032.458 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 18.575.657.660 | 26.350.403.340 | 44.926.061.000 |
| Số cuối kỳ | 12.536.239.968 | 26.021.526.936 | 38.557.766.904 |

10b. Bất động sản đầu tư nắm giữ

| | Quyền sử dụng đất |
|---|--------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 29.726.057.343 |
| Số cuối kỳ | 29.726.057.343 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Đã khấu hao hết | - |
| Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/20006/QĐ-BTC | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> |
|-------------------------------------|--------------------------|
| | - |
| Tổn thất do suy giảm giá trị | |
| Số đầu năm | - |
| Số cuối kỳ | - |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 29.726.057.343 |
| Số cuối kỳ | 29.726.057.343 |

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Điểm kinh doanh 31 Nguyễn An Khương, quận 5, TP. Hồ Chí Minh | 176.484.000 | 150.103.860 | 26.380.140 |
| Điểm kinh doanh 525 Trần Hưng Đạo, quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 104.400.000 | 101.186.327 | 3.213.673 |
| Quyền sử dụng đất 31 Nguyễn An Khương, quận 5, TP. Hồ Chí Minh | 8.085.425.184 | 639.054.218 | 7.446.370.966 |
| Quyền sử dụng đất 525 Trần Hưng Đạo, quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 9.227.618.107 | 815.106.239 | 8.412.511.868 |
| Công trình siêu thị Co-op Mart Bình Triệu | 23.962.872.071 | 1.293.581.814 | 22.669.290.257 |
| Quyền sử dụng đất 105 Lê Lợi, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh | 29.726.057.343 | - | 29.726.057.343 |
| Cộng | 71.282.856.705 | 2.999.032.458 | 68.283.824.247 |

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Thu nhập từ việc cho thuê | 9.414.071.218 | 9.533.516.038 |
| Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | 537.023.256 | 569.191.817 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|-------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | - | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 6.258.767.349 | 2.286.740.833 | (7.100.091.709) | 1.445.416.473 |
| <i>Công trình 1A Phạm Ngọc Thạch</i> | 915.900.909 | - | - | 915.900.909 |
| <i>Công trình 105 Lê Lợi</i> | 515.863.637 | - | - | 515.863.637 |
| <i>Phần mềm ERP</i> | 1.168.750.000 | 206.250.000 | (1.375.000.000) | - |
| <i>Công trình Trạm kinh doanh xăng dầu Số 06</i> | 1.659.910.760 | 1.078.730.433 | (2.738.641.193) | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--|----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| <i>Công trình Trạm kinh doanh xăng dầu Số 17</i> | - | 13.651.927 | - | 13.651.927 |
| <i>Công trình Trạm kinh doanh xăng dầu Số 21</i> | 1.998.342.043 | 988.108.473 | (2.986.450.516) | - |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | - | - | - |
| Cộng | 6.258.767.349 | 2.286.740.833 | (7.100.091.709) | 1.445.416.473 |

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | Giá trị hợp lý | Số đầu năm | | Giá trị hợp lý |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | | Giá gốc | Dự phòng | |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 10.296.000.000 | (3.750.000.000) | 6.546.000.000 | 10.296.000.000 | (3.750.000.000) | 6.546.000.000 |
| Công ty cổ phần cà phê Petec | 296.000.000 | - | 296.000.000 | 296.000.000 | - | 296.000.000 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định | 10.000.000.000 | (3.750.000.000) | 6.250.000.000 | 10.000.000.000 | (3.750.000.000) | 6.250.000.000 |
| Cộng | 10.296.000.000 | (3.750.000.000) | 6.546.000.000 | 10.296.000.000 | (3.750.000.000) | 6.546.000.000 |

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-------------------|--------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 454.864.236 | 47.084.584 |
| Hoàn nhập | (296.499.268) | (47.084.584) |
| Số cuối kỳ | 158.364.968 | - |

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 23.665.392.890 | 50.078.803.026 |
| Công ty cổ phần xăng dầu dịch vụ hàng hải STS | 23.099.892.890 | 19.210.963.026 |
| Công ty TNHH một thành viên dầu khí TP. Hồ Chí Minh | 565.500.000 | 30.867.840.000 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 897.977.390 | 2.240.295.799 |
| Cộng | 24.563.370.280 | 52.319.098.825 |

Công ty không có công nợ phải trả quá hạn thanh toán đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên</i> | - | - |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 30.203.321.527 | 30.726.540.417 |
| Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận (*) | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Các khách hàng khác | <u>203.321.527</u> | <u>726.540.417</u> |
| Cộng | <u>30.203.321.527</u> | <u>30.726.540.417</u> |

(*) Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận ứng trước tiền cho hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 105 đường Lê Lợi, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã thực nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 9.667.079.429 | (5.572.718.527) | 4.094.360.902 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.486.686.938 | 7.418.778.476 | (6.580.986.260) | 4.324.479.154 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 273.933.811 | 1.229.007.325 | (1.072.688.417) | 430.252.719 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | 55.094.593.000 | (37.768.933.500) | 17.325.659.500 |
| Tiền thuê đất | 5.318.907.750 | 3.416.295.618 | (4.147.676.800) | 4.587.526.568 |
| Các loại thuế khác | - | 34.000.000 | (90.844.723) | (56.844.723) |
| Cộng | <u>9.079.528.499</u> | <u>76.859.753.848</u> | <u>(55.233.848.227)</u> | <u>30.705.434.120</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Kinh doanh xăng, dầu, chuyển nhượng bất động sản...; Thu hộ điện 10%
- Thu hộ tiền nước: 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|-----------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 33.305.936.976 | 22.313.744.565 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 415.783.369 | 205.276.316 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | (218.750.000) |
| Thu nhập tính thuế | <u>33.721.720.345</u> | <u>22.300.270.881</u> |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>7.418.778.476</u> | <u>4.906.059.594</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động bán xăng dầu từ nguồn cung cấp Công ty cổ phần xăng dầu và dịch vụ hàng hải STS là công ty mẹ với mức thuế như sau:

- Xăng 3.000 VND / Lít
- Dầu Diesel 1.500 VND / Lít

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương phải trả | 5.913.016.203 | 8.521.251.920 |
| Cộng | <u>5.913.016.203</u> | <u>8.521.251.920</u> |

Quỹ lương của Công ty được xây dựng theo Nghị quyết số 598/2014/NQ-NLSG của Hội đồng quản trị tính dựa trên thu nhập bình quân của người lao động 10.067.593 VND/người/tháng.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | - | - |
| Phải trả các tổ chức khác | 421.455.163 | 376.912.330 |
| Chi phí lãi vay | 346.636.981 | 157.450.885 |
| Chi phí dịch vụ vận chuyển | 29.818.182 | 75.195.082 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 45.000.000 | 144.266.363 |
| Cộng | <u>421.455.163</u> | <u>376.912.330</u> |

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|--------------------------|-------------------|
| Tiền cho thuê mặt bằng nhận trước | 45.000.000 | - |
| Cộng | <u>45.000.000</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | 7.357.844.178 | 1.668.268.309 |
| Kinh phí công đoàn | 398.659.420 | 316.935.920 |
| Bảo hiểm xã hội | 218.514.650 | - |
| Bảo hiểm y tế | 38.593.895 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 15.953.260 | - |
| Cổ tức phải trả | 5.617.409.500 | - |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 863.944.900 | 1.218.239.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 204.768.553 | 133.093.389 |
| Cộng | <u>7.357.844.178</u> | <u>1.668.268.309</u> |

20b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 5.725.066.100 | 5.433.698.100 |
| Cộng | <u>5.725.066.100</u> | <u>5.433.698.100</u> |

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i> | 229.272.088.800 | 229.272.088.800 | 147.244.240.000 | 147.244.240.000 |
| <i>Vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾</i> | 30.999.100.000 | 30.999.100.000 | 68.499.800.000 | 68.499.800.000 |
| <i>Vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾</i> | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 | 38.018.130.000 | 38.018.130.000 |
| <i>Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i> | - | - | 30.628.410.000 | 30.628.410.000 |
| <i>Vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)</i> | 98.272.988.800 | 98.272.988.800 | 10.097.900.000 | 10.097.900.000 |
| Cộng | <u>229.272.088.800</u> | <u>229.272.088.800</u> | <u>147.244.240.000</u> | <u>147.244.240.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay tín chấp Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm.
- (ii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm.
- (iii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm.
- (iv) Khoản vay tín chấp thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 147.244.240.000 | 238.793.840.000 |
| Số tiền vay phát sinh | 714.099.890.000 | 1.232.818.015.400 |
| Số tiền vay đã trả | <u>(632.072.041.200)</u> | <u>(1.257.582.095.400)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>229.272.088.800</u> | <u>214.029.760.000</u> |

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|-------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 1.074.944.375 |
| Số sử dụng | (1.155.750) |
| Số hoàn nhập | <u>(1.073.788.625)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>-</u> |

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 872.982.871 | 638.941.734 | (1.537.977.644) | (26.053.039) |
| Quỹ phúc lợi | 670.213.717 | 638.941.734 | (1.437.416.271) | (128.260.820) |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 30.141.850 | 993.245.628 | (1.020.500.000) | 2.887.478 |
| Cộng | <u>1.573.338.438</u> | <u>2.271.129.096</u> | <u>(3.995.893.915)</u> | <u>(151.426.381)</u> |

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 42.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | <u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u> | | <u>Vốn điều lệ đã góp (VND)</u> | <u>Vốn điều lệ còn phải góp (VND)</u> |
|---|--|----------------------|---------------------------------|---------------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>Tỷ lệ (%)</u> | | |
| Công ty cổ phần xăng dầu và dịch vụ hàng hải S.T.S | 57.586.340.000 | 50,99 | 112.914.590.000 | - |
| Công ty TNHH một thành viên dầu khí TP. Hồ Chí Minh | 22.597.080.000 | 20,01 | 22.597.080.000 | - |
| Cổ đông khác | 32.731.170.000 | 29,00 | 32.731.170.000 | - |
| Cộng | <u>112.914.590.000</u> | <u>100,00</u> | <u>112.914.590.000</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 11.291.459 | 11.291.459 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 11.291.459 | 11.291.459 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.291.459 | 11.291.459 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (56.640) | (56.640) |
| - Cổ phiếu phổ thông | (56.640) | (56.640) |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.234.819 | 11.234.819 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 11.234.819 | 11.234.819 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày ngày 04 tháng 4 năm 2015 như sau:

| | VND |
|--|-----------------------------|
| • Trích quỹ khen thưởng HĐQT và ban kiểm soát: | 993.245.628 |
| • Trích quỹ khen thưởng: | 638.941.734 |
| • Trích quỹ phúc lợi: | 638.941.734 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển: | 638.941.734 |
| • Cổ tức đợt 2 năm 2014 | 5.617.409.500 |
| | <u>8.527.480.330</u> |

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 4.523.639.937 | 4.523.639.937 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 18.094.559.748 | 18.094.559.748 |
| Trên 05 năm | 136.537.613.072 | 141.061.253.009 |
| Cộng | <u>159.155.812.757</u> | <u>163.679.452.694</u> |

25b. Tài sản nhận giữ hộ

Hàng hóa nhận giữ hộ là phiếu xăng đã bán nhưng khách hàng chưa đến lấy hàng.

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---------------------|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| | <u>Số lượng (Lít)</u> | <u>Số tiền</u> | <u>Số lượng (Lít)</u> | <u>Số tiền</u> |
| Dầu DO (0,05%S Max) | 12.220 | 225.336.880 | 15.200 | 261.292.920 |
| Xăng RON 92 | 104.985 | 1.941.236.552 | 130.368 | 2.313.675.784 |
| Xăng RON 95 | 11.374 | 226.869.670 | 13.536 | 259.498.878 |
| Cộng | <u>128.579</u> | <u>2.393.443.102</u> | <u>159.104</u> | <u>2.834.467.582</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

25c. *Nợ khó đòi đã xử lý*

Nợ khó đòi đã xử lý là công nợ của công ty TNHH thương mại dịch vụ Thái Dương với số tiền là 421.976.000 VND. Nguyên nhân do không có khả năng thu hồi (được xử lý từ năm 2011).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. *Tổng doanh thu*

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán hàng hóa | 721.864.297.441 | 1.288.110.065.563 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 9.414.071.218 | 9.533.516.038 |
| Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư | 6.928.360.877 | - |
| Cộng | 738.206.729.536 | 1.297.643.581.601 |

Doanh thu bán hàng hóa trên đã loại trừ thuế bảo vệ môi trường 55.094.593.000.

1b. *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giảm giá hàng bán | - | 312.772.727 |
| Cộng | - | 312.772.727 |

3. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 670.973.192.874 | 1.246.860.470.364 |
| Giá vốn của dịch vụ cho thuê bất động sản | 537.023.256 | 569.191.817 |
| Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư thanh lý | 5.831.270.840 | - |
| Cộng | 677.341.486.970 | 1.247.429.662.181 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 6.301.991.608 | 6.335.789.268 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 218.750.000 |
| Cộng | 6.301.991.608 | 6.554.539.268 |

5. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 12.034.498.841 | 12.223.211.796 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 9.621.478 | 576.036 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 252.942.550 | 366.647.624 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.457.283.313 | 1.369.968.509 |
| Chi phí vận chuyển, bốc xếp | 3.843.907.274 | 3.440.880.569 |
| Tiền thuê đất | 3.382.865.298 | 2.594.398.308 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài khác | 1.499.066.392 | 1.308.816.196 |
| Các chi phí khác | 716.193.784 | 795.291.301 |
| Cộng | 23.196.378.930 | 22.099.790.339 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 5.538.032.840 | 5.765.120.579 |
| Chi phí vật liệu quản lý | - | 4.109.091 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 155.476.897 | 392.156.719 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 537.984.996 | 181.775.257 |
| Thuế, phí và lệ phí | 59.155.439 | 55.168.000 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | (444.039.000) | 27.355.600 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 452.768.665 | 392.468.806 |
| Các chi phí khác | 1.491.978.994 | 992.925.891 |
| Cộng | 7.791.358.831 | 7.811.079.943 |

7. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 11.472.897 | - |
| Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ | 96.309.090 | - |
| Hoa hồng bảo hiểm | 78.310.214 | 100.625.607 |
| Thưởng vượt doanh số | - | 282.237.776 |
| Thu nhập khác | 102.378.188 | 85.254.651 |
| Cộng | 288.470.389 | 468.118.034 |

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 25.590.659.232 | 17.360.600.387 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 25.590.659.232 | 17.360.600.387 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 11.234.819 | 11.234.819 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 2.278 | 1.545 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 418.040.925 | 763.489.470 |
| Chi phí nhân công | 17.572.531.681 | 17.988.332.375 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.532.291.565 | 2.120.935.583 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.178.607.629 | 7.736.563.879 |
| Chi phí khác | 1.823.289.217 | 1.870.740.792 |
| Cộng | 31.524.761.017 | 30.480.062.099 |

Số liệu so sánh năm trước có điều chỉnh do không bao gồm giá mua hàng hóa đối với doanh nghiệp thương mại.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Công ty đã ứng trước tiền mua một số tài sản cố định trị giá 3.220.050.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc) Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương | 913.511.445 | 712.313.515 |
| Tiền thưởng | 397.240.458 | 462.311.352 |
| Thù lao Hội đồng quản trị | 309.860.000 | 174.795.000 |
| Phụ cấp và các khoản khác | 1.696.722.006 | 147.874.734 |
| Cộng | 3.317.333.909 | 1.497.294.601 |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|-------------------------------|
| Công ty cổ phần xăng dầu và dịch vụ hàng hải S.T.S | Cổ đông sở hữu 50,99% cổ phần |
| Công ty TNHH một thành viên dầu khí TP. Hồ Chí Minh | Cổ đông sở hữu 20,01% cổ phần |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH một thành viên dầu khí TP. Hồ Chí Minh | | |
| <i>Mua hàng hóa</i> | 151.768.918.180 | 1.147.828.245.451 |
| Công ty cổ phần xăng dầu và dịch vụ hàng hải S.T.S | | |
| <i>Mua hàng hóa</i> | 350.498.320.802 | 5.746.290.909 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin bộ phận

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, nhớt và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam

3. Số liệu so sánh

3a. *Áp dụng chế độ kế toán mới*

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|--|-------|--------------------------|-----------------|------------------------|
| <i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i> | | | | |
| Tài sản cố định | 220 | 46.187.815.340 | (6.258.767.349) | 39.929.047.991 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | - | 6.258.767.349 | 6.258.767.349 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 30.923.042.906 | 9.367.984.104 | 40.291.027.010 |
| Quỹ dự phòng tài chính | | 9.367.984.104 | (9.367.984.104) | - |


Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ


| | | | | |
|----------------------------|----|---|-------|-------|
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | - | 1.545 | 1.545 |
|----------------------------|----|---|-------|-------|


4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015


Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu


Võ Thị Thu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN

Địa chỉ: 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 112.914.590.000 | 9.220.495.600 | (1.414.603.444) | 38.086.137.944 | 16.933.878.640 | 175.740.498.740 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | - | 17.360.600.387 | 17.360.600.387 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 981.220.471 | (3.662.826.071) | (2.681.605.600) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | - | (6.740.891.400) | (6.740.891.400) |
| Số dư cuối kỳ trước | 112.914.590.000 | 9.220.495.600 | (1.414.603.444) | 39.067.358.415 | 23.890.761.556 | 183.678.602.127 |
| Số dư đầu năm nay | 112.914.590.000 | 9.220.495.600 | (1.414.603.444) | 40.291.027.010 | 23.259.133.459 | 184.270.642.625 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | - | 25.590.659.232 | 25.590.659.232 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 638.941.734 | (2.910.070.830) | (2.271.129.096) |
| Trích lập quỹ hoạt động của HĐQT và ban kiểm soát | - | - | - | - | (270.000.000) | (270.000.000) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | - | (5.617.409.500) | (5.617.409.500) |
| Số dư cuối kỳ này | 112.914.590.000 | 9.220.495.600 | (1.414.603.444) | 40.929.968.744 | 40.052.312.361 | 201.702.763.261 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015



Lê Thị Thu Vân
Người lập biểu



Võ Thị Thu
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc